



Nếu hỗ trợ cho hầu hết các trường hợp có thể xảy ra trong cuộc sống của du học sinh
留学生生活の中を総合的にサポートするなら

Bảo hiểm tai nạn dành cho du học sinh nước ngoài hiện đang học tập và nghiên cứu.

外国人留学生向け学研災付帯学生生活総合保険

Loại hình tham gia ご加入タイプ

		Trên 4 tháng		Trong vòng 3 tháng	
		A loại (*1)	B loại (*1)	C loại	D loại
Số tiền bảo hiểm 保障金額	1 Trách nhiệm bồi thường cá nhân (*2) 個人賠償責任(*2)	Giới hạn cho 1 vụ tai nạn tại Nhật Bản: 100 triệu Yên Tại nước ngoài: 100 triệu Yên 1 事故 国内：1 億円 国外：1 億円 限度			
	2 Tử vong, di chứng (*3) 死亡・後遺障害(*3)	1.000.000 Yên	1.000.000 Yên	1.000.000 Yên	1.000.000 Yên
	3 Chi phí điều trị (*4) 治療費用(*4)	Chi phí điều trị thực tế 治療費用実費	Chi phí điều trị thực tế 治療費用実費	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
	4 Chi phí cứu trợ v.v... 救済者費用等	3.000.000 Yên	3.000.000 Yên	3.000.000 Yên	3.000.000 Yên
	5 Số tiền khi bị thương (*3) 傷害定額(*3) (Số tiền cho một ngày nhập viện (*5)) (入院日額(*5)) (Số tiền cho một ngày điều trị ngoại trú) (通院日額)	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng	Số tiền cho một ngày nhập viện 5.000 Yên Số tiền cho một ngày điều trị ngoại trú 3.000 Yên	Số tiền cho một ngày nhập viện 5.000 Yên Số tiền cho một ngày điều trị ngoại trú 3.000 Yên
	6 Tài sản cá nhân trong cuộc sống (*6) 生活用動産(*6)	500.000 Yên	Không thuộc đối tượng	500.000 Yên	Không thuộc đối tượng
	7 Trách nhiệm bồi thường của người thuê nhà (*6) 借家人賠償責任(*6)	3.000.000 Yên		3.000.000 Yên	

Phí bảo hiểm (trả một lần khoản phí tính đến khi tốt nghiệp) 保険料 (卒業までに一括払)	Thời gian bảo hiểm 保険期間	1 tháng	1 ヶ月	—	—	2.700 Yên	2.240 Yên
		2 tháng	2 ヶ月	—	—	3.810 Yên	3.170 Yên
		3 tháng	3 ヶ月	—	—	4.890 Yên	4.060 Yên
		4 tháng	4 ヶ月	7.340 Yên	6.330 Yên	—	—
		5 tháng	5 ヶ月	8.680 Yên	7.480 Yên	—	—
		6 tháng	6 ヶ月	9.350 Yên	8.060 Yên	—	—
		7 tháng	7 ヶ月	10.000 Yên	8.630 Yên	—	—
		8 tháng	8 ヶ月	10.670 Yên	9.200 Yên	—	—
		9 tháng	9 ヶ月	11.340 Yên	9.780 Yên	—	—
		10 tháng	10 ヶ月	12.020 Yên	10.360 Yên	—	—
		11 tháng	11 ヶ月	12.670 Yên	10.930 Yên	—	—
		1 năm	1 年間	13.340 Yên	11.500 Yên	—	—
		2 năm	2 年間	23.340 Yên	20.130 Yên	—	—
		3 năm	3 年間	33.370 Yên	28.780 Yên	—	—
		4 năm	4 年間	43.400 Yên	37.410 Yên	—	—
		5 năm	5 年間	53.370 Yên	46.030 Yên	—	—
		6 năm	6 年間	60.040 Yên	51.780 Yên	—	—

(*1) Chỉ có người tham gia bảo hiểm sức khỏe mới có thể tham gia. (Người chưa tham gia bảo hiểm sức khỏe trong vòng 3 tháng lưu trú vui lòng chọn loại trong số C, D.)
(*2) Trường hợp bị mất dữ liệu trong thiết bị thông tin thì số tiền tối đa được hưởng là 5 triệu Yên 1 vụ tai nạn.
(*3) Tai nạn trong khi đang thực hiện các hoạt động giáo dục và nghiên cứu sẽ không thuộc đối tượng bồi thường của bảo hiểm này mà sẽ thuộc đối tượng bồi thường của Bảo hiểm tai nạn học đường.
(*4) Thời gian được trả bảo hiểm là từ ngày bắt đầu điều trị ngoại trú hoặc nhập viện cho đến ngày cuối tháng của tháng có ngày đó tổng cộng là 60 ngày tính cả ngày bắt đầu.
(*5) Số tiền bảo hiểm phẫu thuật được trả gấp 10 lần (phẫu thuật trong thời gian nhập viện) hoặc 5 lần (phẫu thuật không phải trong thời gian nhập viện) số tiền bảo hiểm nhập viện. Phẫu thuật xử lý vết thương hay nhổ răng sẽ không thuộc đối tượng được hưởng bảo hiểm.
(*6) Kể cả học sinh/sinh viên ở nhà trọ cũng có thể tham gia loại bảo hiểm dành cho học sinh/sinh viên ở nhà riêng

Phí bảo hiểm trên sẽ được giảm [30%] nếu số lượng người thuộc đối tượng được hưởng bảo hiểm trên cả nước từ 10.000 người trở lên.
Thời gian bảo hiểm tính từ 0 giờ sáng ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến 4 giờ chiều ngày 1 tháng 4 năm 2030
Ví dụ: Trường hợp 6 năm Là 6 năm tính từ 0 giờ sáng ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến 4 giờ chiều ngày 1 tháng 4 năm 2030
Phí bảo hiểm được tính theo đơn vị 1 tháng. Cho dù kết thúc du học khi đang ở giữa tháng vẫn tính thời điểm kết thúc bảo hiểm là "1 ngày" mỗi tháng.
Ví dụ 1: Nếu thời gian du học là ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 5 thì thời gian bảo hiểm sẽ là "ngày 1 tháng 4 đến ngày 1 tháng 6" và sẽ phải đóng "2 tháng" phí bảo hiểm.
Ví dụ 2: Nếu thời gian du học là ngày 15 tháng 4 đến ngày 31 tháng 5 thì thời gian bảo hiểm sẽ là "ngày 15 tháng 4 đến ngày 1 tháng 6" và sẽ phải đóng "2 tháng" phí bảo hiểm.
Ví dụ 3: Nếu thời gian du học là ngày 15 tháng 4 đến ngày 15 tháng 5 thì thời gian bảo hiểm sẽ là "ngày 15 tháng 4 đến ngày 1 tháng 6" và sẽ phải đóng "2 tháng" phí bảo hiểm.
Vui lòng liên hệ riêng nếu thời gian du học hơn 1 năm và muốn tham gia với thời gian bảo hiểm khác thời gian ở trên.
Loại bảo hiểm ghi trong tài liệu này dành cho người thuộc cấp ngành nghề A (sinh viên không đi làm liên tục v.v...).

Người đi làm liên tục trong các ngành nghề dưới đây sẽ thuộc cấp ngành nghề B và có mức phí bảo hiểm khác. Vui lòng liên hệ để biết mức phí chính xác.
(Trong trường hợp thay đổi cấp ngành nghề sau khi tham gia xin vui lòng liên hệ ngay với chúng tôi.)
"Lái xe ô tô", "Công nhân xây dựng", "Công nhân nông lâm nghiệp", "Công nhân ngư nghiệp", "Công nhân khai thác hầm mỏ, đá" & "Công nhân chế tạo sản phẩm đan lát" (6 ngành nghề)
(*1) 健康保険加入者のみご加入できます。(滞在期間3ヶ月以内で健康保険未加入の方は、C・Dタイプからお選びください。)
(*2) 情報機器内のデータ損壊は1事故 500万円限度となります。
(*3) 教育研究活動中の事故は、本保険の補償対象ではなく、学研災の補償対象となります。
(*4) お支払対象期間は通院または入院を開始した日からその日を含めて60 日を経過した日の属する月の末日までとなります。
(*5) 手術保険金のお支払額は、入院保険金日額の10倍 (入院中の手術) または5倍 (入院中以外の手術) となります。傷の処置や抜歯等お支払いの対象外の手術があります。
(*6) 下宿の学生であっても自宅用タイプにご加入頂くことが可能です。
上記保険料は、全国の保険の対象となる方の人数が10,000人以上の場合の割引率 [30%] が適用されています。
保険期間は、始期日の午前0時より、保険終期日の午後4時までとなります。
例) 6年間の場合 2024年4月1日午前0時より 2030年4月1日午後4時まで 6年間
保険料は1ヶ月単位となっております。月の途中で留学が終了される場合でも、保険終期は毎月「1日」となります。
例1) 留学期間が、4月1日～5月31日の場合、保険期間は[4月1日～6月1日]で[2ヶ月]の保険料となります。
例2) 留学期間が、4月15日～5月31日の場合、保険期間は[4月15日～6月1日]で[2ヶ月]の保険料となります。
例3) 留学期間が、4月15日～5月15日の場合、保険期間は[4月15日～6月1日]で[2ヶ月]の保険料となります。
1年間を超える場合で、上記以外の保険期間となる場合には、個別にお問合せください。
本パンフレット記載のご加入タイプは、職種級別Aに該当する方 (継続的に職業に従事していない学生等) 用です。以下に該当する職業に継続的に従事している方は職種級別Bとなり保険料が異なります。必ずお問い合わせ先までご連絡ください。
(ご加入後に該当することとなった場合も、遅滞なくご連絡ください。)

Hỗ trợ cuộc sống sinh viên trên nhiều phương diện!
 学生生活を幅広くサポートします！

* Về các trường hợp chủ yếu được trả tiền bảo hiểm và các trường hợp chủ yếu không được trả tiền bảo hiểm, vui lòng xác nhận trong "Giới thiệu khái quát về bồi thường" ở bản đính kèm.
 ※保険金をお支払いする主な場合、保険金をお支払いしない主な場合については、別紙「補償の概要等」をご確認ください。

1 Trách nhiệm bồi thường cá nhân Khi đi xe đạp và đâm vào người đi đường làm người đó bị thương.
 個人賠償責任 自転車で行中、通行人にぶつかってケガをさせたとき。

Nếu người sinh viên vô tình làm người khác bị thương hoặc làm hư hỏng tài sản của người khác ở trong và ngoài nước Nhật, hoặc nếu người sinh viên mượn hay được ủy thác giữ một món đồ (đồ vật ủy thác)^(*) từ một người khác ở Nhật mà món đồ đó bị hỏng hoặc bị đánh cắp, v.v. ở trong và ngoài nước Nhật, thì chúng tôi sẽ chi trả khoản tiền bảo hiểm nếu sinh viên phải chịu trách nhiệm pháp lý bồi thường cho những thiệt hại đó. Liên quan đến trách nhiệm bồi thường cá nhân, về nguyên tắc công ty bảo hiểm hòa hoan Tokio Marine & Nichido chỉ tổ chức hòa giải cho những tai nạn tại Nhật Bản. (Trừ trường hợp bị thừa kiện lên tòa án ở nước ngoài.)
 (*1) Những vật dụng như điện thoại di động, điện thoại thông minh, xe đạp, kính áp tròng, mắt kính, v.v. không được bao gồm trong hàng ký gửi.
 * Tai nạn khi đang thực tập và đang làm thêm cũng thuộc đối tượng bồi thường. Tuy nhiên, tai nạn do nguyên nhân thực hiện công việc ngoài các công việc nêu trên thì không thuộc đối tượng bồi thường.
 * Tai nạn do xe ô tô và xe máy (kể cả xe đạp có gắn động cơ) không thuộc đối tượng bồi thường.
 * "Dịch vụ hòa giải" là dịch vụ thực hiện thủ tục thương lượng, hòa giải hoặc điều đình hay kiện tụng do công ty bảo hiểm thực hiện cho người được bảo hiểm sau khi được sinh viên tiến người được bảo hiểm đồng ý trong trường hợp sinh viên bị yêu cầu bồi thường thiệt hại có liên quan đến tai nạn.
 国内外で学生本人が偶然な事故により他人にケガをさせたり、他人の物を壊してしまったときや、国内で他人から借りた物や預かったもの（受託品）^(*)を国内外で壊したり盗まれてしまったとき等、法律上の損害賠償責任を負った場合に保険金をお支払いします。個人賠償責任については国内での事故に限り、示談交渉は原則として東京海上日動が行います。（訴訟が国外の裁判所に提起された場合等を除きます。）
 (*1) 携帯電話、スマートフォン、自転車、コンタクトレンズ、眼鏡等は、受託品に含まれません。
 ※インターンシップ中やアルバイト先でも補償の対象となります。ただし、それ以外の職務の遂行に起因する事故は補償対象外となります。
 ※自動車およびバイク（原動機付自転車を含む）での事故は補償対象外となります。
 ※「示談交渉サービス」とは、被保険者である学生が、事故にかかわる損害賠償の請求を受けた場合に、被保険者の同意を得て、保険会社が被保険者のために、折衝、示談または調停もしくは訴訟の手続きを行うサービス。

Có cung cấp dịch vụ hòa giải!
 示談交渉サービス付き！



2 Tử vong · di chứng sau tai nạn Trong trường hợp bị tử vong và trong trường hợp để lại di chứng.
 死亡・後遺障害 万が一のときや後遺障害が残ったとき。

Chúng tôi sẽ trả tiền bảo hiểm cho trường hợp bản thân sinh viên bị tử vong hoặc bị di chứng do tai nạn bất ngờ và ngẫu nhiên ở trong hoặc ngoài Nhật Bản. (Tuy nhiên, tai nạn khi đang tham gia giờ học, đang tham gia sự kiện của trường, đang tham gia các hoạt động ngoại khóa (hoạt động câu lạc bộ) được trường công nhận, tai nạn bên trong cơ sở vật chất của trường (ngoại trừ ký túc xá) không thuộc đối tượng bồi thường của bảo hiểm này mà sẽ thuộc đối tượng bồi thường của Bảo hiểm tai nạn học đường.) Bị thương do động đất hoặc núi lửa phun trào hay sóng thần đi kèm với các thiên tai này cũng thuộc đối tượng bồi thường.
 国内外で学生本人が急激かつ偶然な外来の事故で死亡したまたは後遺障害を被った場合に保険金をお支払いします。（ただし、正課中、学校行事中、学校が認めた課外活動（クラブ活動）中、学校施設内（寄宿舎を除く）の事故は本保険の補償対象ではなく、学研災の補償対象となります。）
 地震もしくは噴火またはこれらによる津波によるケガも補償対象となります。



3 Chi phí điều trị (*1)(*2) Trong trường hợp bản thân sinh viên nhập viện hoặc điều trị ngoại trú do bị thương hoặc bị bệnh.
 治療費用(*1)(*2) 学生本人が、ケガや病気で入院または通院したとき。

Trường hợp bản thân sinh viên nhập viện hay đi bệnh viện từ 1 ngày trở lên do chấn thương hay bệnh tật trong nước Nhật thì chúng tôi sẽ trả tiền bảo hiểm tương ứng với khoản tiền sinh viên tự thanh toán khi sử dụng bảo hiểm y tế. (*3) (Không bao gồm trường hợp nhập viện hay đi bệnh viện điều trị các bệnh về răng miệng, nhập viện vì rối loạn tâm thần, nhập viện như do bệnh trí · nứt hậu môn, v.v...). Bị thương do động đất hoặc núi lửa phun trào hay sóng thần đi kèm với các thiên tai này cũng thuộc đối tượng bồi thường.
 (*1) Khi hạn chế đối tượng được chi trả tiền bảo hiểm chỉ từ ngày bắt đầu nhập viện hoặc đi bệnh viện cho đến ngày cuối cùng của tháng sau 60 ngày đã trôi qua bao gồm cả ngày hôm đó.
 Ngày khám đầu tiên: Trường hợp 15/4/2024
 Ngày sau 60 ngày đã trôi qua: 13/6/2024
 Ngày cuối cùng của tháng sau 60 ngày đã trôi qua: 30/6/2024
 Ngày được thanh toán cho điều trị từ 15/4/2024 đến 30/6/2024
 (*2) Bệnh tật và thương tích xảy ra trước khi thời hạn bảo hiểm bắt đầu sẽ không thuộc đối tượng được hưởng bảo hiểm. (Tuy nhiên, nếu bạn nhập viện hoặc khám ngoại trú sau 2 năm kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (trường hợp thời hạn bảo hiểm dưới 1 năm và đã gia hạn chỉ cần 1 năm), thì bạn sẽ thuộc đối tượng được hưởng thanh toán tiền bảo hiểm.)
 (*3) Để biết chi tiết về cá nhân tự thanh toán, vui lòng tham khảo <Khái quát bồi thường v.v.>
 国内で学生本人がケガや病気で1日以上通院または入院した場合、健康保険等の自己負担分(*3)を保険金としてお支払いします。（歯科疾病治療のための通院、精神障害による入院、痔核、裂肛等による入院期間は除く。）地震もしくは噴火またはこれらによる津波によるケガも補償対象となります。
 (*1) 治療費用保険金のお支払対象期間は、通院または入院を開始した日からその日を含めて60日を経過した日の属する月の末日までとなります。
 初診日：2024/4/15のケース
 60日を経過した日：2024/6/13
 60日を経過した日の属する月の末日：2024/6/30
 2024/4/15～2024/6/30の治療費がお支払対象
 (*2) 保険期間の開始直前に発症した病気、発生した傷害は対象になりません。（ただし、保険期間の開始日より2年（保険期間が1年以下の場合かつそれを更新した場合は「1年」）を経過した後に開始した入院または入院については、保険金のお支払いの対象となります。）
 (*3) 自己負担分の詳細については、<補償の概要等>をご参照ください。

Chúng tôi sẽ bồi thường chi phí mà sinh viên đã tự trả tại quầy thanh toán của cơ sở y tế.
 医療機関の窓口で自己負担した費用を補償します。

Điểm khuyến nghị
 おすすめポイント

Bồi thường từ ngày
 đầu tiên nhập viện.
 通院1日目から補償

自己負担額	自己負担割合	自己負担額
3	4,380	4
金額	消費税率	円



4 Chi phí người cứu trợ v.v... Trong trường hợp khi sinh viên nhập viện và phụ huynh phải đến gặp.
 救護者費用等 学生が入院し、保護者が駆けつけたとき。

Trong thời gian bảo hiểm, chúng tôi sẽ chi trả chi phí nhập viện liên tục 3 ngày trở lên do mắc bệnh hoặc là bị thương bên ngoài nhà ở trong hoặc ngoài Nhật Bản và chi phí tìm kiếm cứu nạn, đi lại và chỗ ở trong trường hợp sinh viên gặp nạn khi đang đi tàu thuyền hay máy bay.
 国内外で学生本人が保険期間中に住宅外において被ったケガ、または病気にかかり継続して3日以上入院したり、搭乗している航空機や船舶が遭難した場合等に、交通費や宿泊料、搜索救助費用等をお支払いします。



5 Bảo hiểm nhập viện (*1) · Bảo hiểm phẫu thuật (*2) · Bảo hiểm điều trị ngoại trú (*3)
 Trong trường hợp bản thân sinh viên phải nhập viện hoặc điều trị ngoại trú do bị thương.

入院保険(*1) · 手術保険(*2) · 通院保険(*3) 学生本人が、ケガで入院または通院したとき。

Chúng tôi sẽ trả tiền bảo hiểm cho mỗi ngày nhập viện hoặc điều trị ngoại trú trong trường hợp bản thân sinh viên bị thương ở nơi ngoài phạm vi quản lý của trường, phải nhập viện hoặc điều trị ngoại trú. Ngoài ra, chúng tôi sẽ trả tiền bảo hiểm cho cả trường hợp phẫu thuật.
 Bị thương do động đất hoặc núi lửa phun trào hay sóng thần đi kèm với các thiên tai này cũng thuộc đối tượng bồi thường.
 (*1) Chúng tôi không trả cho trường hợp nhập viện sau khi đã quá 180 ngày tính từ ngày bị tai nạn. Thời hạn bảo hiểm cho 1 vụ tai nạn là 180 ngày.
 (*2) Chi áp dụng cho phẫu thuật thực hiện trong vòng 180 ngày kể từ ngày bị tai nạn. Ngoài ra, phẫu thuật như xử lý vết thương hay nhổ răng cũng không thuộc đối tượng được hưởng bảo hiểm.
 (*3) Chúng tôi không trả cho trường hợp điều trị ngoại trú sau khi đã quá 180 ngày tính từ ngày bị tai nạn. Thời hạn bảo hiểm cho 1 vụ tai nạn là 90 ngày.
 学校管理下外で学生本人がケガをされ、入院、通院された場合に、入院・通院1日につき保険金日額をお支払いします。また、手術を受けた場合も保険金をお支払いします。
 地震もしくは噴火またはこれらによる津波によるケガも補償対象となります。
 (*1) 事故の日から180日を経過した後の入院に対してはお支払はできません。また、1事故について180日を限度とします。
 (*2) 事故の日から180日以内に受けた手術に限りします。また、傷の処置や抜歯等お支払いの対象外の手術があります。
 (*3) 事故の日から180日を経過した後の通院に対してはお支払はできません。また、1事故について90日を限度とします。



6 Tài sản cá nhân trong cuộc sống
 生活用資産

Chi trả tiền bảo hiểm cho trường hợp sinh viên gặp thiệt hại do các sự cố không mong muốn như là tài sản thuộc sở hữu của bản thân tại nước Nhật bị trộm cắp hay hỏa hoạn v.v...
 国内で学生本人が所有する家財が火災や盗難等の偶然な事故で損害を受けた場合に保険金をお支払いします。
 【Số tiền miễn trừ trách nhiệm (số tiền tự trả): 5.000 Yên 免責金額 (自己負担額): 5,000円】
 * Tài sản đang mang ra bên ngoài tòa nhà cũng được bồi thường.
 * Những học sinh/sinh viên ở nhà riêng hay ở trọ tại nhà của người thân (bao gồm cả trường hợp sống cùng anh em, v.v.) thì không thể tham gia bảo hiểm này.
 ※建物外に持ち出している間も補償されます。
 ※自宅通学生の場合やご親族の住居に下宿している場合（兄弟等と同居している場合を含む）はご加入できません。

7 Trách nhiệm bồi thường của người thuê nhà
 借家人賠償責任

Chi trả tiền bảo hiểm trong trường hợp sinh viên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chủ nhà trên mặt pháp lý khi phòng thuê bị hư hại do các sự cố không mong muốn như là rò rỉ nước hay hỏa hoạn trong nước Nhật. Về trách nhiệm bồi thường của người thuê nhà, thì các cuộc đàm phán hoà giải sẽ không được tiến hành tại Tokio Marine & Nichido.
 * Những học sinh/sinh viên ở nhà riêng hay ở trọ tại nhà của người thân (bao gồm cả trường hợp sống cùng anh em, v.v.) thì không thể tham gia bảo hiểm này.
 国内で学生本人が火災や水漏れ破損等の偶然な事故により借戸室を損壊したため、家主に対して法律上の損害賠償責任を負った場合に保険金をお支払いします。借家人賠償責任については、示談交渉は東京海上日動では行いません。
 ※自宅通学生の場合やご親族の住居に下宿している場合（兄弟等と同居している場合を含む）はご加入できません。